TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị K, sinh năm 1988. (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Trung L, sinh năm 1986. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị K trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị K và anh L qua mai mối và đi đến hôn nhân, đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cải với nhau, anh L không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trung L.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Trần Trung L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không có văn bản nộp cho Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị K yêu cầu ly hôn và cũng không tham gia phiên họp và hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Chị K yêu cầu ly hôn với anh L; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trần Trung L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Trung L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2, nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Trung L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị K và anh L qua mai mối và tiến đến hôn nhân vào năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của chị K, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân đã lâu từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay chị K yêu cầu ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Trung L nhưng anh vắng mặt và không trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân với chị K, chứng tỏ anh L không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Do chị K và anh L sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án, buộc chị Lưu Thị K phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Thị K và anh Trần Trung L.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lưu Thị K phải chịu với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005605 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm chị K đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký0

Trần Hoàng Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.